CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Thương mại DIC

Ngày 30/09/2025	1,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.0%	**22.2%**	**0%**

DT thuần
Q3/25
5.06
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.82| -14.0%
YoY: ▼18.3| -78.4%

LN thuần
Q3/25
0.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.89| -52.6%
YoY: ▲ 3.75| 127%

LN sau thuế
Q3/25
0.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.49| -48.7%
YoY: ▲ 3.71| 116%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
10.1%
YoY: +/-▼ 8.2%

ROE (TTM)
Q3/25
-39.7%
YoY: +/-▼ 3.4%

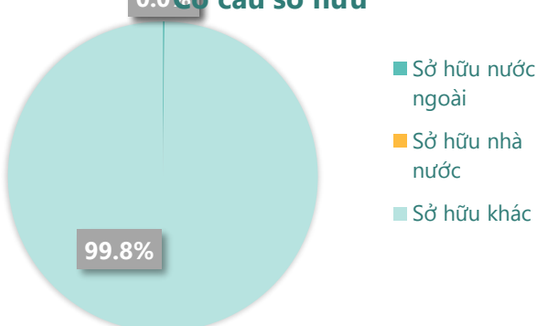
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	900 - 1,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	29
Số lượng CPLH (CP)	26,084,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	79,350
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.19
EPS	1,189
P/E	0.9

DT thuần
9T 2025
15.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼24.0| -60.5%

LN thuần
9T 2025
3.62
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 39.3| 110%

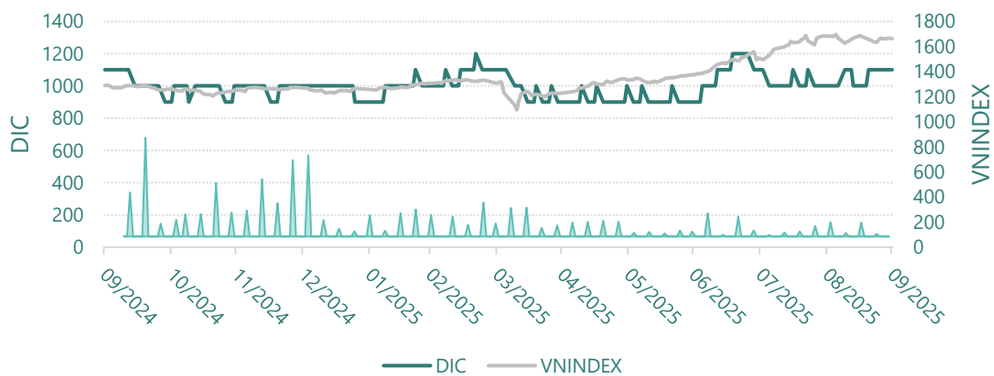
LN sau thuế
9T 2025
2.57
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 38.4| 107%

Cơ cấu sở hữu

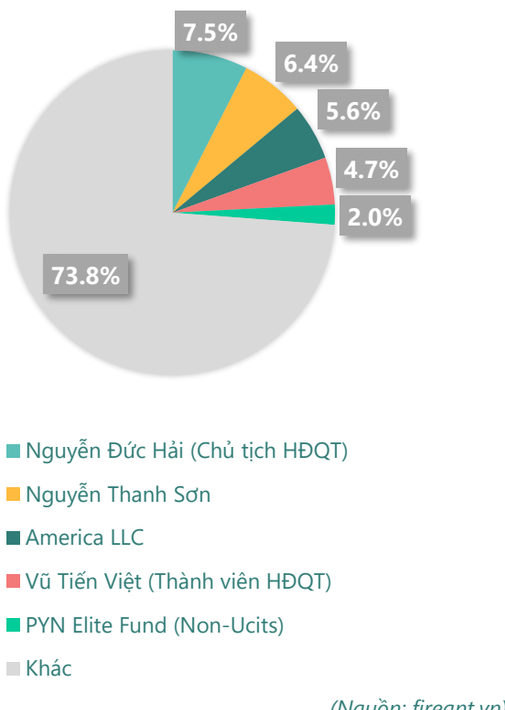


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



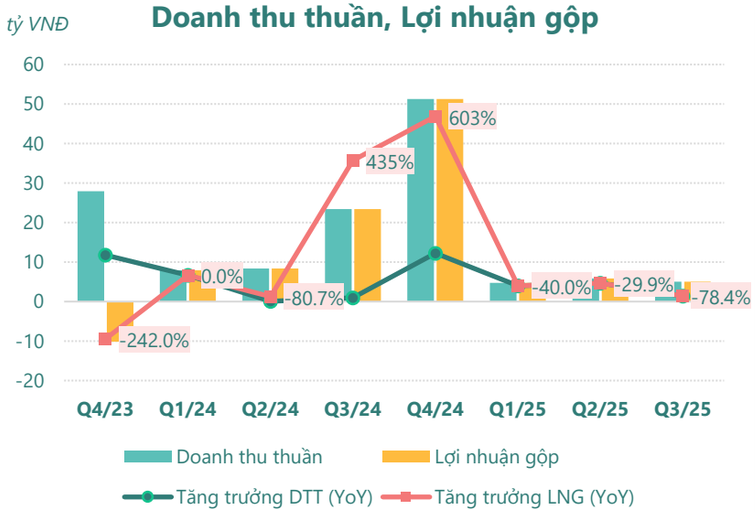
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

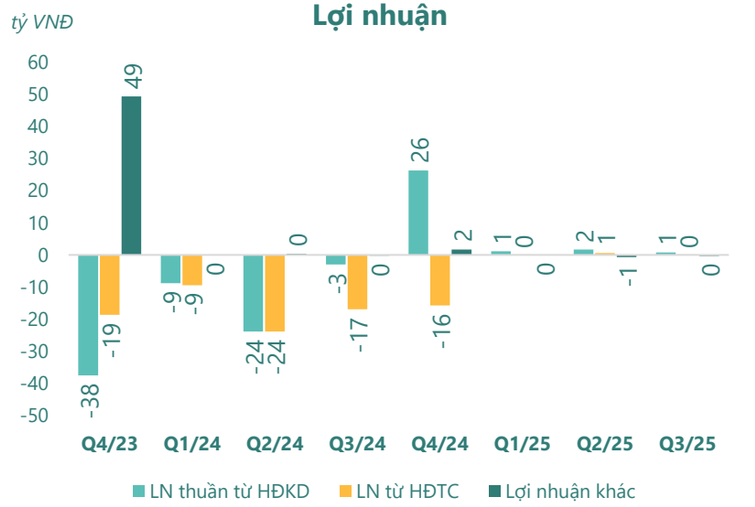
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



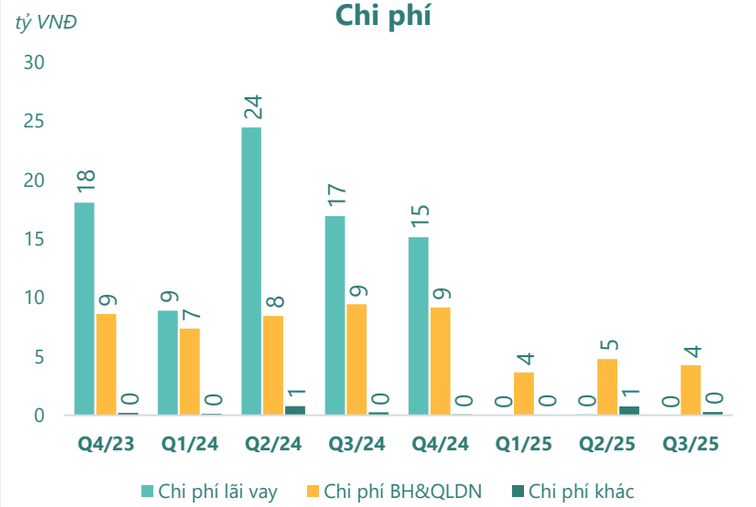
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



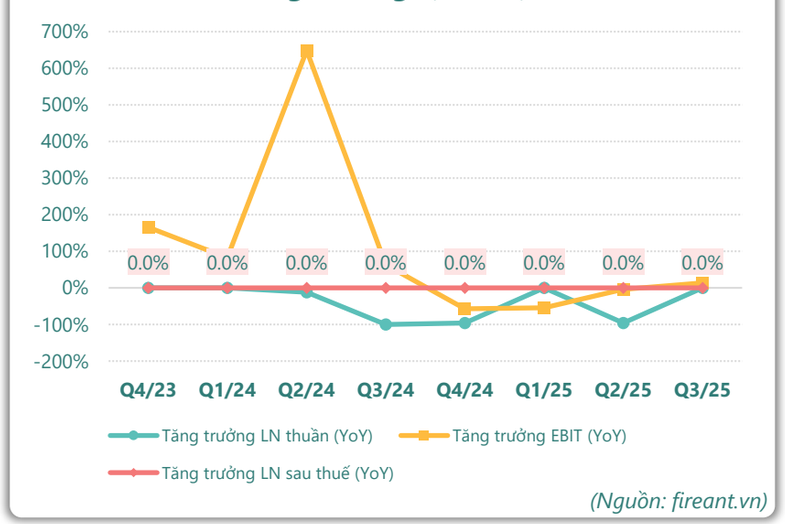
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



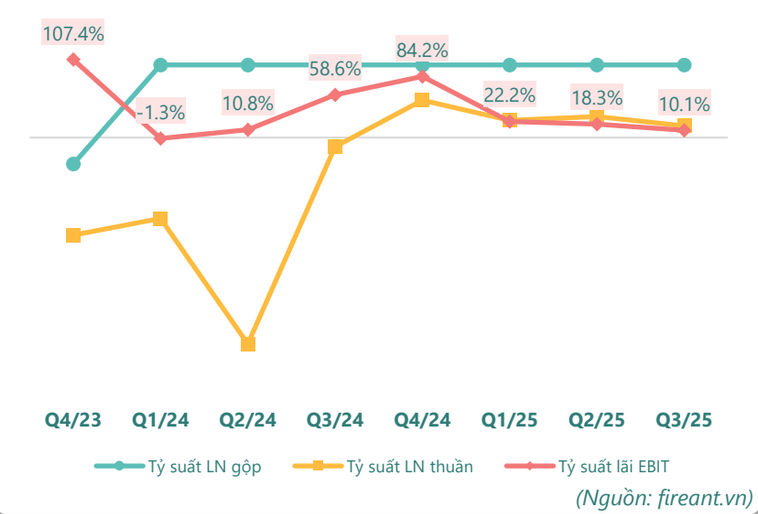
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



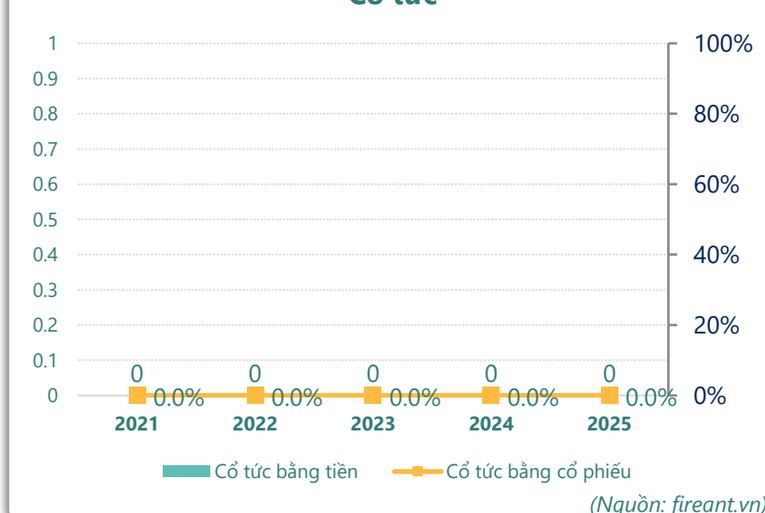
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

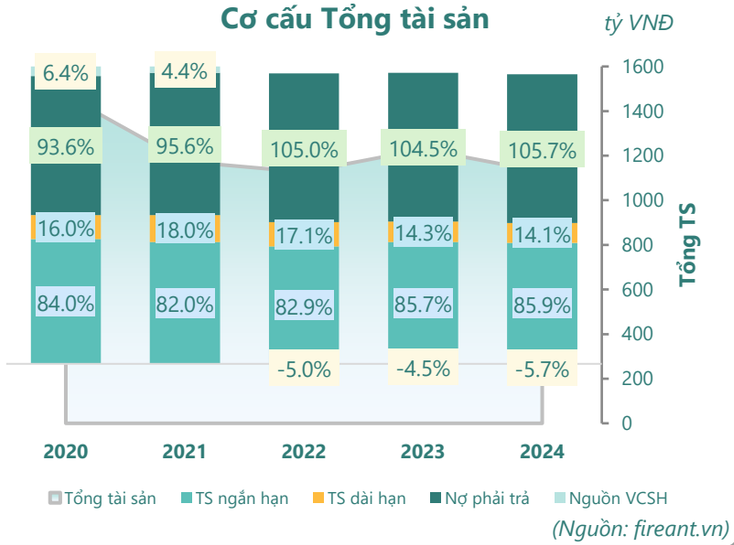
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

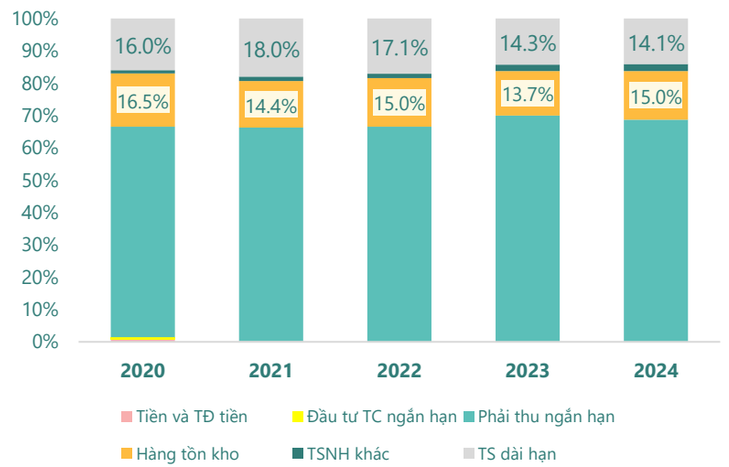
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



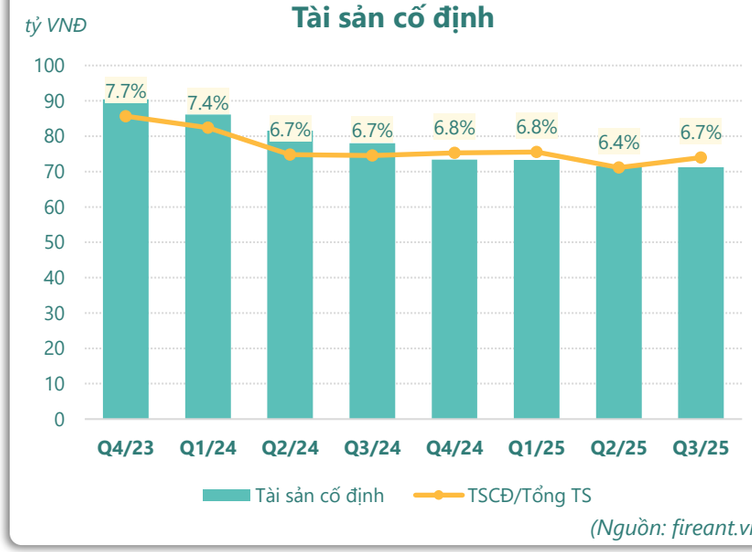
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



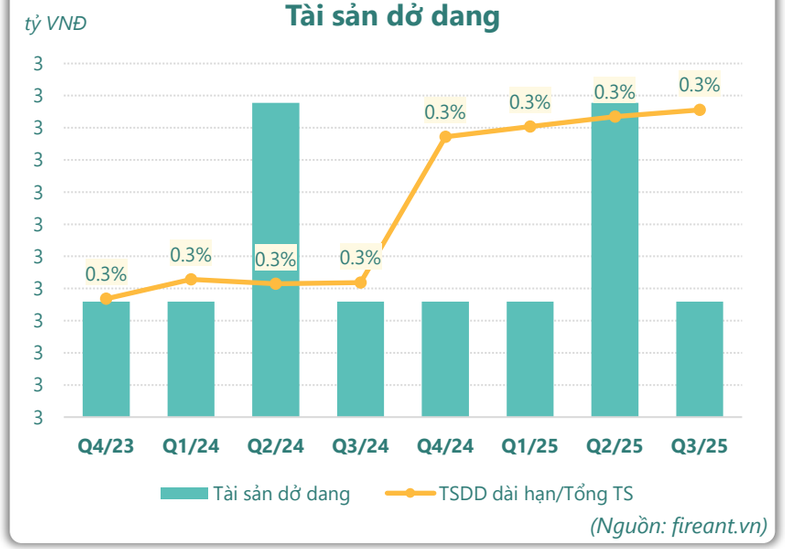
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



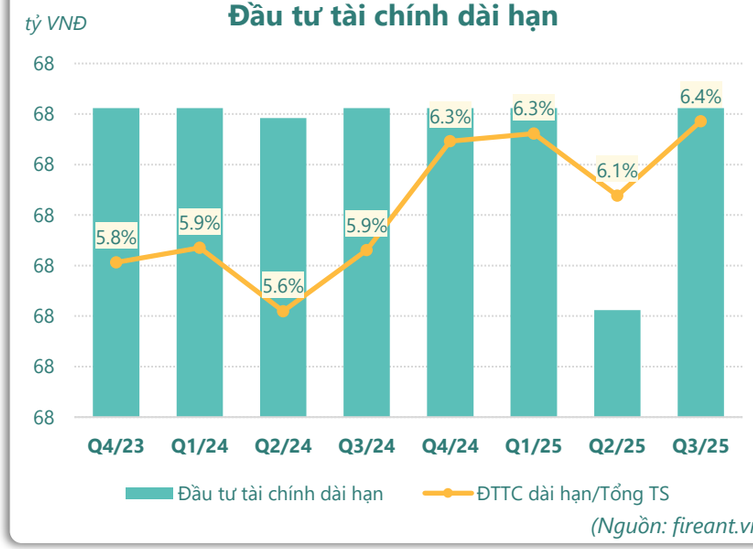
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



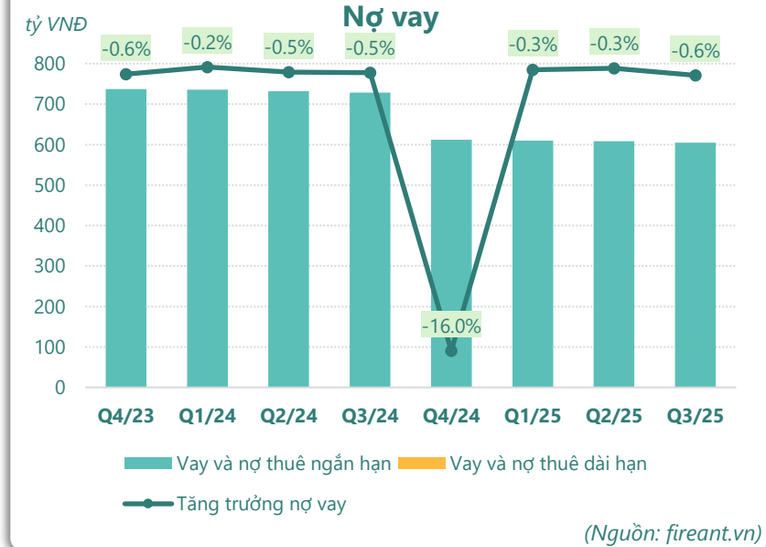
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

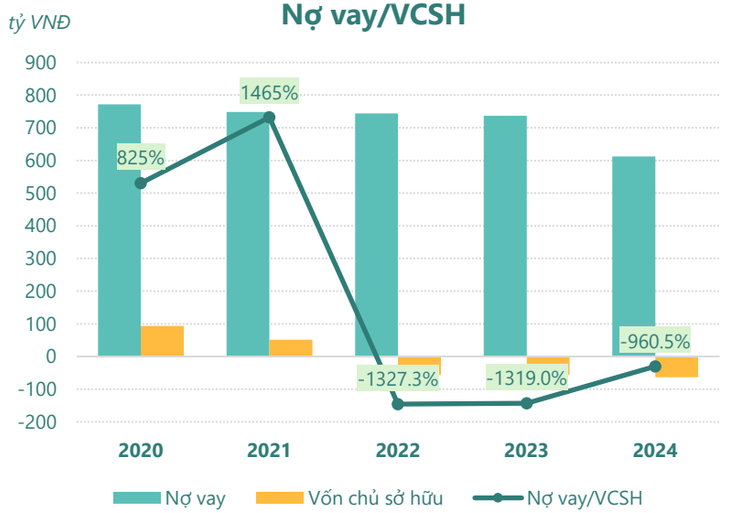
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



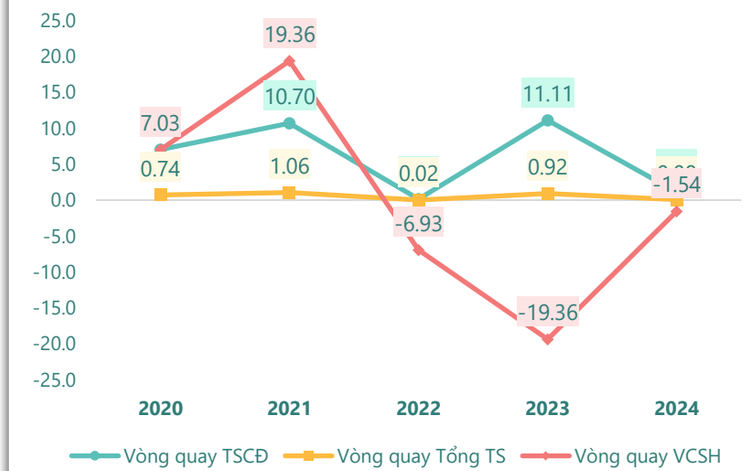
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



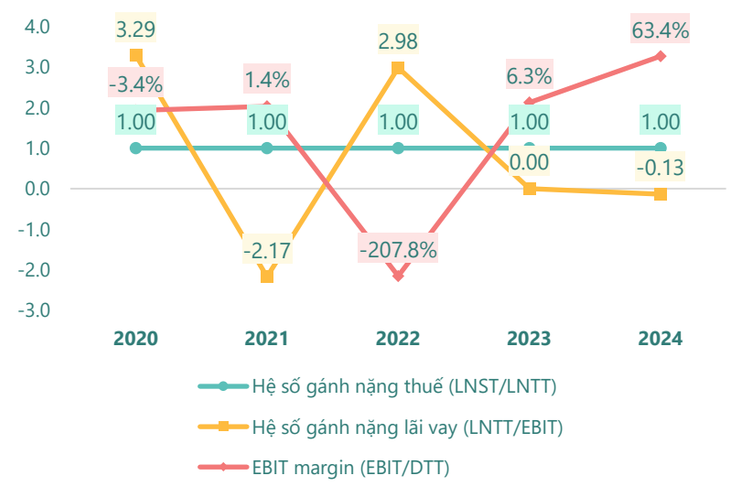
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



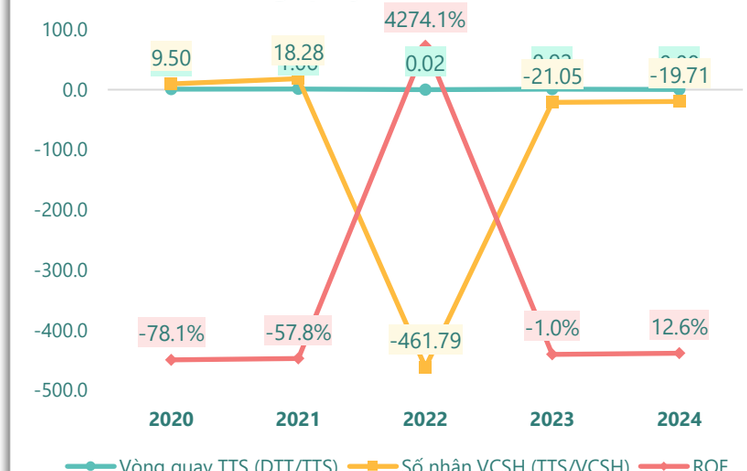
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



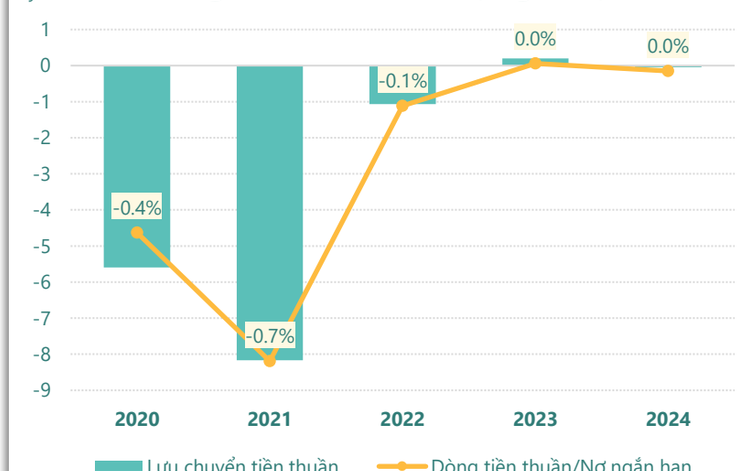
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.06**	**23.4**	**-78.4%**	**15.7**	**39.7**	**-60.5%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận gộp	5.06	23.4	-78.4%	15.7	39.7	-60.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.70	0.11	532%
Chi phí TC	0	16.9	-100%	0.09	50.3	-99.8%
Chi phí lãi vay	0	16.9	-100%	0.08	50.3	-99.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.09	1.89	-95.5%	0.28	2.04	-86.2%
Chi phí QLDN	**4.17**	**7.54**	**-44.7%**	**12.4**	**23.2**	**-46.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.80	-2.95	127%	3.62	-35.7	110%
Lợi nhuận khác	**-0.29**	**-0.25**	**-15.1%**	**-1.05**	**-0.09**	**-1035%**
LN trước thuế	0.51	-3.20	116%	2.57	-35.8	107%
Lợi nhuận sau thuế	**0.51**	**-3.20**	**116%**	**2.57**	**-35.8**	**107%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.51**	**-3.20**	**116%**	**2.73**	**-35.6**	**108%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.83	3.62	116	2.13	2.63	2.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.35	-3.68	-116	-2.08	-1.55	-3.95
Tiền đầu kỳ	1.65	0.12	1.14	1.25	1.30	2.38
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.52**	**-0.06**	**0.02**	**0.04**	**1.08**	**-1.18**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.12	1.14	1.16	1.30	2.38	1.20

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,070**	**1,127**	**-5.1%**
Tài sản ngắn hạn	915	968	-5.5%
Tiền và tương đương tiền	1.20	1.25	-4.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	720	774	-7.0%
Hàng tồn kho	169	169	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	25.4	24.4	3.8%
Tài sản dài hạn	**154**	**159**	**-3.1%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	71.2	73.4	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.93	3.06	-4.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	68.2	68.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**12.1**	**14.7**	**-17.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,132	1,191	-5.0%
Nợ ngắn hạn	**1,132**	**1,191**	**-5.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	604	612	-1.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	95.0	98.4	-3.4%
Nợ dài hạn	0.47	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-62.5**	**-63.7**	**2.0%**
Vốn chủ sở hữu	**-62.5**	**-63.7**	**2.0%**
Vốn điều lệ	266	266	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)